TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **68**/2023/DS-ST

Ngày: 21-9-2023

V/v tranh chấp thừa kế tài sản và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Văn Lai.

Bà Phạm Thị Phụng.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Huỳnh Tấn Thành - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa***: Bà Huỳnh Thị Mỹ Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 106/2023/TLST-DS ngày 23 tháng 11 năm 2022 về việc tranh chấp thừa kế tài sản và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2023/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Hồng Diễm C, sinh năm 1980. Địa chỉ: Số H, đường D, Phường E, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

** Người đại diện theo ủy quyền của bà Võ Hồng Diễm C:* Ông Huỳnh Hồng T, sinh năm 1969. Địa chỉ: Số A, đường T, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (theo văn bản ủy quyền ngày 01/11/2022). (có mặt)

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1946. HKTT: Số B, Quốc lộ A (nay là đường V), Khóm A, Phường F, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Địa chỉ hiện nay: Số A, đường số H, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

** Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị B:* Ông Nguyễn Trung H, sinh năm 1974. Địa chỉ: Số A, đường số A, Khu dân cư T, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (theo văn bản ủy quyền ngày 11/01/2023). (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Võ Thị Hồng V, sinh năm 1965. Địa chỉ: Số B, Quốc lộ A, Khóm A, Phường F, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

3.2. Bà Võ Hồng Nguyệt M, sinh năm 1972. Địa chỉ: Số A, đường số H, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

3.3. Bà Võ Hồng Diễm P, sinh năm 1974. Địa chỉ: Số G, đường D, Phường B, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

3.4. Bà Võ Tuyết H1, sinh năm 1976. Địa chỉ: Số B, đường A, Phường F, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

** Người đại diện theo ủy quyền của bà Võ Thị Hồng V, bà Võ Hồng Nguyệt M1, bà Võ Hồng Diễm P và bà Võ Tuyết H1:* Ông Huỳnh Hồng T, sinh năm 1969. Địa chỉ: Số A, đường T, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (theo văn bản ủy quyền ngày 01/11/2022). (có mặt)

3.5. Ủy ban nhân dân thành phố S. Địa chỉ: Số I P, Khóm C, Phường B, thành phố S.

** Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố S:* Ông Đỗ Xuân N, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố S (theo văn bản ủy quyền số 2225/GUQ-UBND ngày 13/12/2022). (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 19/9/2023)

3.6. Ông Lê Văn N1. (vắng mặt)

3.7. Bà Lê Thị Thanh T1. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số H, ấp C, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

3.8. Bà Lê Thị Thanh V1. Địa chỉ: Số C, đường T, Khóm F, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

3.9. Ông Lê Thanh H2. Địa chỉ: Số A T, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

3.10. Bà Lê Thị Thanh Đ. Địa chỉ: Số C, đường T, Khóm F, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt, nhưng vắng mặt khi tuyên án)

3.11. Ông Lê Thanh T2. Địa chỉ: Số I S, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

3.12. Bà Lê Thị Thanh Đ1. Địa chỉ: Số C, đường T, Khóm F, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

3.13. Bà Lê Thị Thanh N2. Địa chỉ: Số I S, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

3.14. Ông Lê Thanh P1. Địa chỉ: Số I S, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

3.15. Bà Lê Thị Thanh T3. Địa chỉ: Số I S, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

3.16. Ông Lê Thanh T4. Địa chỉ: Số I S, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo Đơn khởi kiện đề ngày 01/11/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án ông Huỳnh Hồng T đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Võ Hồng Diễm C và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Võ Thị Hồng V, bà Võ Hồng Nguyệt M1, bà Võ Hồng Diễm P và bà Võ Tuyết H1 trình bày:*

Cha mẹ của các đương sự là ông Võ Hồng P2 và bà Nguyễn Thị B kết hôn năm 1964. Trong quá trình sống chung ông P2 và bà B có 06 người con gồm: bà Võ Thị Hồng V, bà Võ Hồng Diễm S (chết ngày 26/8/2000, không vợ, không con), bà Võ Hồng Nguyệt M1, bà Võ Hồng Diễm P, bà Võ Tuyết H1, bà Võ Hồng Diễm C. Ông P2 và bà B có tạo lập được tài sản chung là căn nhà và đất tại số B, Quốc lộ A, Khóm A, Phường F, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Nguồn gốc: mua của bà Triệu Thị H3 năm 1982 (Có giấy xác nhận của bà H3 kèm theo). Năm 1993, ông Võ Hồng P2 chết không để lại di chúc.

Năm 2000, bà Nguyễn Thị B kết hôn với ông Lê Văn H4 (ông H4 chết ngày 17/02/2014). Năm 2013, bà B tiến hành hợp thức hóa quyền sử dụng đất tại số B, Quốc lộ A (nay là đường V), Khóm A, Phường F, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng và đã tự ý đưa ông Lê Văn H4 vào đứng tên chung quyền sử dụng đất nêu trên mà không cho các con biết và được Ủy ban nhân dân thành phố S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 096973, số vào sổ cấp GCN: CH01080, ngày cấp: 31/12/2013 đối với thửa đất số 43, tờ bản đồ số 10, diện tích: 47,6m^2, tọa lạc Khóm A, Phường F, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Đến tháng 4/2022, bà Võ Hồng Diễm C mới biết việc bà B đã đưa ông Lê Văn H4 vào đứng tên chung quyền sử dụng đất mà ông Võ Hồng P2 và bà Nguyễn Thị B tạo lập từ năm 1982, nên các chị em của bà C đã phản đối và làm đơn gửi Ủy ban nhân dân thành phố S đề nghị hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên

để đăng ký lại quyền sử dụng đất thuộc đồng sở hữu của bà B và các con nhưng Ủy ban nhân dân thành phố S không chấp nhận.

Theo quy định tại Điều 609, Điều 610, Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 649, Điều 650, Điều 651 Bộ luật Dân sự thì căn nhà và đất tại số B, Q (nay là đường V), Khóm A, Phường F, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng là tài sản chung của ông Võ Hồng P2 và bà Nguyễn Thị B. Do đó, khi ông P2 chết không để lại di chúc thì 50% tài sản trên thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông P2 gồm: bà B và các con của bà B và ông P2 (ông bà nội đã chết trước ông P3 từ lâu). Ông H4 không có quyền lợi gì liên quan đến thửa đất nêu trên, vì vậy việc Ủy ban nhân dân thành phố S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị B và ông Lê Văn H4 là không đúng đối tượng, trái quy định của pháp luật và xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của chị em bà C.

Theo lời khai của bà Đ ngày 11/4/2023 là không đúng. Vì căn nhà và đất nêu trên là của ông Võ Hồng P2 và bà Nguyễn Thị B nhận chuyển nhượng của bà Triệu Thị H3 năm 1982 (có giấy xác nhận của bà H3 kèm theo) và có giấy xác nhận của bà Lý Hồng L. Địa chỉ số B, Quốc lộ A, Khóm A, Phường F có nội dung là của vợ chồng ông P2 với bà B; Phiếu lấy ý kiến của khu dân cư trong hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất có địa phương xác nhận thì nguồn là của bà B sử dụng từ trước 1975 cho đến nay; tài sản này là một phần di sản của ông P2 chết để lại thì có bà Nguyễn Thị Bạch H5. Địa chỉ: số B, Quốc lộ A (nay đường V), Khóm A, Phường F (ĐT 0972.915.550), bà Nguyễn Thu H6. Địa chỉ: số B, Quốc lộ A (nay đường V), Khóm A, Phường F (ĐT 0939.401.679) đều biết. Nay những người liên quan đồng ý giao di sản trên lại cho bà C và cũng không nhận giá trị bằng hiện vật hoặc bằng tiền.

Nay ông T đại diện theo ủy quyền của bà Võ Hồng Diễm C yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Chia thừa kế căn nhà và đất tại số B, Quốc lộ A (nay là đường V), Khóm A, Phường F, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng theo quy định của pháp luật. Do hiện nay bà Võ Hồng Diễm C đang quản lý và sử dụng căn nhà trên nên bà C yêu cầu được nhận nhà và trả lại giá trị các kỷ phần thừa kế tương ứng cho bà Võ Thị Hồng V, bà Võ Hồng Nguyệt M1, bà Võ Hồng Diễm P, bà Võ Tuyết H1 và bà Nguyễn Thị B.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 096973, số vào sổ cấp GCN: CH01080, ngày cấp: 31/12/2013 do Ủy ban nhân dân thành phố S cấp cho bà Nguyễn Thị B và ông Lê Văn H4.

** Tại Tờ tường trình về việc trả lời yêu cầu Thông báo thụ lý của Tòa án ngày 07/2/2023 thì ông Nguyễn Trung H là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị B trình bày:*

Năm 1964, bà Nguyễn Thị B ông Võ Hồng P2 và kết hôn, trong quá trình sống chung ông P2 và bà B có 06 người con (đúng như lời trình bày của nguyên đơn trong đơn khởi kiện) và ông P2, bà B có tạo lập được tài sản chung là căn nhà và đất tại số B, Quốc lộ A, Khóm A, Phường F, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Nguồn gốc: mua của bà Triệu Thị H3 năm 1982 (Có giấy xác nhận của bà H3 kèm theo). Năm 1993, ông Võ Hồng P2 chết không để lại di chúc. Sau đó bà B và các con sống tại căn nhà trên đến nay.

Đến năm 2000, bà Nguyễn Thị B kết hôn với ông Lê Văn H4 (ông H4 chết ngày 17/02/2014). Năm 2013, bà B tiến hành hợp thức hóa quyền sử dụng đất tại số B, Quốc lộ A, Khóm A, Phường F, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Do không hiểu pháp luật về thừa kế nên bà B đã tự ý đưa ông Lê Văn H4 vào đứng tên chung quyền sử dụng đất nêu trên và được Ủy ban nhân dân thành phố S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 096973, số vào sổ cấp GCN: CH01080, ngày cấp: 31/12/2013. Cụ thể thửa đất như sau: Thửa đất số 43, tờ bản đồ số 10, tọa lạc Khóm A, Phường F, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, diện tích 47,6m^2, hình thức sử dụng riêng, mục đích sử dụng là đất ở đô thị, thời gian sử dụng lâu dài, nguồn gốc sử dụng: Công nhận quyền sử dụng đất có thu tiền sử dụng đất.

Đến tháng 4/2022, các con của bà B mới biết việc bà B đã đưa ông Lê Văn H4 vào đứng tên chung quyền sử dụng đất mà bà Nguyễn Thị B và ông Võ Hồng P2 (chồng trước của bà B) tạo lập, nên các con của bà B đã phản đối và đề nghị hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên để đăng ký lại quyền sử dụng đất thuộc đồng sở hữu của bà B và các con của bà B.

Sau khi tìm hiểu pháp luật về thừa kế thì bà B cũng hiểu rằng việc đăng ký tên của ông Lê Văn H4 (chồng sau của bà B) vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất do bà B và ông P2 tạo lập là không đúng pháp luật vì ông P2 chết năm 1993, nếu không để lại di chúc thì 50% quyền sử dụng đất nêu trên là di sản thừa kế, chỉ hàng thừa kế thứ nhất của ông P2 mới được hưởng gồm bà B và các con của ông P2. Ông H4 không có quyền gì liên quan đến thửa đất nêu trên.

Do đó, nay bà B cũng đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà B đồng ý cho bà C được hưởng phần quyền sử dụng đất và căn nhà tại số B, Quốc lộ A (nay là đường V), Khóm A, Phường F, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (bao gồm 50% giá trị căn nhà và quyền sử dụng đất của bà trong khối tài sản chung với ông P2 và phần di sản thừa kế mà bà được hưởng theo pháp luật trong khối di sản thừa kế của ông P2 để lại).

** Tại Tờ tường trình ngày 29/8/2023 thì những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Võ Thị Hồng V, bà Võ Hồng Nguyệt M1, bà Võ Hồng Diễm P, bà Võ Tuyết H1 đều trình bày:* Các bà thống nhất nội dung khởi kiện của bà Võ Hồng Diễm C, lời khai của đại diện theo ủy quyền của mẹ bà. Nay các bà yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 096973, số vào sổ cấp GCN: CH01080 do Ủy ban nhân dân thành phố S cấp cho bà Nguyễn Thị B và ông Lê Văn H4 ngày 31/12/2013 và chia di sản thừa kế thửa đất trên theo đúng quy định của pháp luật. Về kỷ phần thừa kế mà các bà được hưởng thì các bà đồng ý cho lại em các bà là bà Võ Hồng Diễm C được hưởng toàn bộ.

** Theo Đơn yêu cầu độc lập ngày 25/4/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Thanh Đ trình bày:* Cha bà là ông Lê Văn H4 (chết năm 2014) có vợ là bà Nguyễn Thị T5 (chết ngày 30/11/1992) và có 12 người con, gồm: 1. Bà Lê Thị Thanh H7 (chết ngày 12/10/2008, không có chồng con); 2. Ông Lê Thanh T6 (chết ngày 16/02/1975, không có vợ con); 3. Ông Lê Văn D (chết ngày 01/10/1995) có vợ là Trần Thị Cẩm V2 (chết) và có 02 người con là 3.1. Ông Lê Văn N1 và 3.2. Bà Lê Thị Thanh T1; 4. Bà Lê Thị Thanh V1; 5. Ông Lê Thanh H2; 6. Bà Lê Thị Thanh Đ; 7. Ông Lê Thanh T2; 8. Bà Lê Thị Thanh Đ2; 9. Bà Lê Thị Thanh N2; 10. Ông Lê Thanh P1; 11. Bà Lê Thị Thanh T3; 12. Ông Lê Thanh T4.

Tại Bản án số 264/2006/DSPT ngày 31 tháng 8 năm 2006 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng V/V chia tài sản thừa kế giữa ông H4 và các con đều là bị đơn. Khi chia thì ông H4 được nhận số tiền 633.638.000 đồng và sống với bà B từ 1999 đến khi mất.

Trong quá trình chung sống thì ông H4 và bà B có đứng tên quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn với đất tại thửa đất số 43, tờ bản đồ số 10, diện tích 47,6m^2, địa chỉ tại số B, Quốc lộ A (nay đường V), Khóm A, Phường F, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Trước khi cha bà qua đời không có để lại di chúc cho ai trong gia đình kể cả bà B.

Nay bà yêu cầu chia ½ di sản thừa kế của cha bà là ông Lê Văn H4 (theo pháp luật) cùng đứng tên với bà B cho các anh em bà tại thửa đất số 43, tờ bản đồ số 10, diện tích: 47,6m^2, tọa lạc Khóm A, Phường F, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 096973, số vào sổ cấp GCN: CH01080, ngày cấp: 31/12/2013 do Ủy ban nhân dân thành phố S cấp cho bà Nguyễn Thị B và ông Lê Văn H4.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân thành phố S có ý kiến tại Văn bản số 477/UBND-HC ngày 28/3/2023, cụ thể:*

Căn cứ hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 096973, số vào sổ cấp GCN: CH01080, ngày cấp: 31/12/2013 do Ủy ban nhân dân thành phố S cấp cho bà Nguyễn Thị B và ông Lê Văn H4 tại thửa đất số 43, tờ bản đồ số 10, diện tích: 47,6m^2, tọa lạc Khóm A, Phường F, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, được thể hiện tại đơn đề nghị đã cấp cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (Mẫu số 01/ĐK-GCN) ngày 14/9/2013 do bà B tự kê khai tại Mục I- Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản- gắn liền với đất là "*Họ tên người sử dụng đất: Nguyễn Thị B, sinh năm 1946, số CMND: 365396146, cấp ngày 11/10/2012; Họ tên vợ chồng (của người sử dụng đất): Lê Văn H4, sinh năm 1928, số CMND: 366129623, cấp ngày 25/9/2012. Địa chỉ thường trú: 291 Quốc lộ A, Khóm A, Phường F, thành phố S*" và đã được Ủy ban nhân dân Phường F xác nhận ngày 03/10/2013. Việc Ủy ban nhân dân thành phố S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BR 096973, số vào sổ cấp GCN: CH01080, ngày cấp: 31/12/2013 được quy định tại Điều 50 Luật đất đai số 13/2003/QH11 ngày 26/11/2003 và Điều 14 Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Đối với bà Võ Hồng Diễm C yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 096973, số vào sổ cấp GCN: CH01080, ngày cấp: 31/12/2013 do Ủy ban nhân dân thành phố S cấp cho bà Nguyễn Thị B và ông Lê Văn H4. Theo quy định tại Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/52014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai: Việc thu hồi giấy chứng nhận đã cấp không thuộc trường hợp quy định khoản 2 Điều 106 của Luật đất đai chỉ được thực hiện khi có bản án hoặc quyết định của Tòa án nhân dân đã được thi hành.

** Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Văn N1, bà Lê Thị Thanh T1, bà Lê Thị Thanh V1, ông Lê Thanh H2, ông Lê Thanh T2, bà Lê Thị Thanh Đ1, bà Lê Thị Thanh N2, ông Lê Thanh P1, bà Lê Thị Thanh T3, ông Lê Thanh T4 thì kể từ khi Tòa án thụ lý đến khi xét xử thì các ông, bà vắng mặt và không có ý kiến đối với yêu cầu của Võ Hồng Diễm C và bà Lê Thị Thanh Đ.*

** Tại biên bản xác minh ngày 11/4/2022 (BL85), người làm chứng bà Nguyễn Thị Bạch H5 trình bày:*

Bà sống tại căn nhà số B (giáp ranh căn nhà số B và phần đất đang tranh chấp) từ nhỏ đến nay và không mâu thuẫn với bên bà B và ông H4. Cách nay khoảng 30 năm thì bà B, ông P2 và các con ông P2 sống trên căn nhà số B, nhà gạch tàu, lợp tôl. Sau khi ông P2 qua đời (không nhớ thời gian) thì bà B và ông H4 sống chung với nhau (không nhớ thời gian) mới cất căn nhà như hiện nay, nguồn tiền cất nhà ông biết của ai.

** Tại biên bản xác minh ngày 11/4/2022 (BL64), người làm chứng bà Nguyễn Thị H8 trình bày:*

Bà sống tại căn nhà số B (giáp ranh căn nhà số B và phần đất đang tranh chấp) từ nhỏ đến nay và không mâu thuẫn với bên bà B và ông H4. Cách nay khoảng 30 năm thì bà B, ông P2 và các con ông Phước s trong căn nhà số B, nhà gạch tàu, lợp tôl. Sau khi ông P2 qua đời (không nhớ thời gian) thì bà B và ông H4 sống chung với nhau (không nhớ thời gian) mới cất căn nhà như hiện nay, nguồn tiền cất nhà không biết của ai.

** Tại biên bản xác minh ngày 19/4/2023 (BL87), người làm chứng bà Triệu Thị H3 trình bày:*

Căn nhà số B và phần đất của của bà mua của người khác và đến năm 1982 thì bà bán lại cho bà B, ông P2 với giá 50.000.000 đồng và hai bên không có làm giấy chỉ nói miệng. Hiện trạng căn nhà lúc bà bán thì nhà xây dựng bằng tường, mái tôl, nền lót gạch tàu màu đỏ; phía sau làm nhà láng bằng vách tôl, mái tôl, không nhớ diện tích xây dựng.

Tại phiên tòa: Ông T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Võ Hồng Diễm C không rút lại đơn khởi kiện; bà Lê Thị Thanh Đ không rút lại đơn yêu cầu độc lập và các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Hồng Diễm C về việc chia thừa kế căn nhà và đất tại số B, Quốc lộ A (nay là đường V), Khóm A, Phường F, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng theo quy định của pháp luật. Do hiện nay bà Võ Hồng Diễm C đang quản lý và sử dụng căn nhà trên nên bà C yêu cầu được nhận nhà và trả lại giá trị các kỷ phần thừa kế tương ứng cho bà Võ Thị Hồng V, bà Võ Hồng Nguyệt M1, bà Võ Hồng Diễm P, bà Võ Tuyết H1 và bà Nguyễn Thị B và Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 096973, số vào sổ cấp GCN: CH01080, ngày cấp: 31/12/2013 do Ủy ban nhân dân thành phố S cấp cho bà Nguyễn Thị B và ông Lê Văn H4.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

I. Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp chia thừa kế tài sản và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đ có đơn yêu cầu độc lập yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp chia thừa kế tài sản. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là *"Tranh chấp chia thừa kế tài sản và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*" theo quy định tại khoản 5 Điều 26, khoản 4 Điều 34 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Trong vụ án do có đương sự yêu cầu hủy quyết định cá biệt (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) theo Điều 34 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng thụ lý, xét xử vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 34, Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[2] Về xét xử vắng mặt đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Võ Hồng Diễm C; bị đơn là bà Nguyễn Thị B; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Võ Thị Hồng V, bà Võ Hồng Nguyệt M1, bà Võ Hồng Diễm P, bà Võ Tuyết H1 vắng mặt nhưng có người đại diện theo ủy quyền tham gia phiên tòa; người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân thành phố S vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Văn N1, bà Lê Thị Thanh T1, bà Lê Thị Thanh V1, ông Lê Thanh H2, ông Lê Thanh T2, bà Lê Thị Thanh Đ1, bà Lê Thị Thanh N2, ông Lê Thanh P1, bà Lê Thị Thanh T3, ông Lê Thanh T4 vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do và không thuộc trường hợp bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và khoản 3 Điều 235 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vụ án.

II. Về nội dung vụ án:

[1] Các đương sự thống nhất theo số đo, tứ cận, diện tích đo đạc thực tế tài sản tranh chấp tại biên bản về việc xem xét, thẩm định tại chỗ; Sơ đồ hiện trạng thửa đất cùng ngày 16/01/2023 (BL 80; 92-96) và biên bản thỏa thuận giá tài sản tranh chấp ngày 17/8/2023, cụ thể phần đất tranh chấp có diện tích ½ là 23,8m^2 (47,6m^2:2), loại đất ở tại đô thị, thuộc một phần thửa số 43, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại Khóm A, Phường F, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; có tứ cận hướng Đông giáp rạch Trà Men, số đo 3,95m; hướng Tây giáp vỉa hè đường V, số đo 3,96m; hướng Nam giáp thửa đất 44, số đo 6,31m + 5,72m; hướng Bắc giáp thửa đất số 42, số đo 6,17m + 5,88m; có tổng giá trị theo thỏa thuận là 225.000.000 đồng (450.000.000 đồng:2); còn đối với căn nhà thì hai bên xác định không còn giá trị, nên không yêu cầu xác định giá trị phần căn nhà.

[2] Các đương sự thống nhất vợ chồng:

[2.1] Ông Võ Hồng P2 (chết năm 1993) và bà Nguyễn Thị B (hiện nay còn sống) chung sống với nhau có tổng cộng có 06 người con, gồm: bà Võ Thị Hồng V, bà Võ Hồng Diễm S (chết ngày 26/8/2000; không chồng, con), bà Võ Hồng Nguyệt M1, bà Võ Hồng Diễm P, bà Võ Tuyết H1, bà Võ Hồng Diễm C.

[2.2] Ông Lê Văn H4 (chết ngày 17/02/2014) và bà Nguyễn Thị T5 (chết ngày 30/11/1992) và có 12 người con, gồm: 1. Bà Lê Thị Thanh H7 (chết ngày 12/10/2008, không có chồng con); 2. Ông Lê Thanh T6 (chết ngày 16/02/1975, không có vợ con); 3. Ông Lê Văn D (chết ngày 01/10/1995) có vợ là Trần Thị Cẩm V2 (chết) và có 02 người con là: 3.1. Ông Lê Văn N1 và 3.2. Bà Lê Thị Thanh T1; 4. Bà Lê Thị Thanh V1; 5. Ông Lê Thanh H2; 6. Bà Lê Thị Thanh Đ; 7. Ông Lê Thanh T2; 8. Bà Lê Thị Thanh Đ2; 9. Bà Lê Thị Thanh N2; 10. Ông Lê Thanh P1; 11. Bà Lê Thị Thanh T3; 12. Ông Lê Thanh T4.

[2.3] Năm 2000 thì ông H4 và bà B kết hôn với nhau, ông Lê Văn H4 (chết ngày 17/02/2014) và bà Nguyễn Thị B (hiện nay còn sống) và ông bà không có con chung.

[3] Về nguồn gốc phần đất tranh chấp:

[3.1] Các con của ông P2 và bà B cho rằng, năm 1982 thì cha mẹ có mua của bà Triệu Thị H3 (Có giấy xác nhận của bà H3 kèm theo) căn nhà và đất tại số B, Quốc lộ A (nay đường V), Khóm A, Phường F, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng là tài sản chung của ông P2 và bà B. Đến năm 1993, ông Võ Hồng P2 chết không để lại di chúc. Năm 2000 thì bà B và ông H4 kết hôn với nhau và đến ngày 31/12/2013 thì Ủy ban nhân dân thành phố S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 096973, số vào sổ cấp GCN: CH01080 cho bà Nguyễn Thị B và ông Lê Văn H4 mà các chị em các bà không hay biết.

[3.2] Bà Lê Thị Thanh Đ là con ông Lê Văn H4 (chết ngày 17/02/2014) và bà Nguyễn Thị T5 (chết ngày 30/11/1992) thì cho rằng, cha mẹ bà là ông Lê Văn H4 (chết năm 2014) có vợ là bà Nguyễn Thị T5 (chết ngày 30/11/1992) và có 12 người con chung.

Tại Bản án số 264/2006/DSPT ngày 31 tháng 8 năm 2006 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng V/V chia tài sản thừa kế giữa ông H4 và các con đều là bị đơn. Khi chia thì ông H4 được nhận số tiền 633.638.000 đồng và sống với bà B từ 1999 đến khi mất.

Trong quá trình chung sống thì ông H4 và bà B có đứng tên quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn với đất tại thửa đất số 43, tờ bản đồ số 10, diện tích 47,6m^2, địa chỉ tại số B, Quốc lộ A (nay đường V), Khóm A, Phường

F, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Trước khi cha bà qua đời không có để lại di chúc cho ai trong gia đình kể cả bà B.

Nay bà yêu cầu chia ½ di sản thừa kế của cha bà là ông Lê Văn H4 (theo pháp luật) cùng đứng tên với bà B cho các anh em bà tại thửa đất số 43, tờ bản đồ số 10, diện tích: 47,6m^2 tọa lạc Khóm A, Phường F, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 096973, số vào sổ cấp GCN: CH01080, ngày cấp: 31/12/2013 do Ủy ban nhân dân thành phố S cấp cho bà Nguyễn Thị B và ông Lê Văn H4.

[4] Xét về nguồn gốc đất thì thấy rằng:

[4.1] Tại biên bản xác minh bà Triệu Thị H3 ngày 19/4/2023 (bút lục số 87-88), giấy xác nhận của bà Triệu Thị H3 đề ngày 23/5/2017 có xác nhận của Ủy ban xã (bút lục số 20) thì bà H3 khai nguồn gốc phần đất đang tranh chấp là căn nhà số B, Quốc lộ A (nay đường V), Khóm A, Phường F của cậu bà là ông Nguyễn Văn L1 bán cho bà và đến năm 1982 thì bà bán lại cho bà B và ông P2 giá 50.000.000 đồng.

[4.2] Tại biên bản xác minh bà Nguyễn Thị Bạch H5 (bút lục số 85-86) và bà Nguyễn Thị H8 (bút lục số 64-65) cùng ngày 11/4/2023 thì hai bà cho rằng các bà sống tại căn nhà số B và 289 từ nhỏ đến nay, khi ông P2 còn sống thì ông P2, bà B cùng các con sống chung căn nhà trên, sau khi ông P2 chết thì bà B và ông H4 sống chung thì mới cất căn nhà như hiện nay.

[5] Từ những phân tích trên thì có căn cứ khẳng định phần đất theo đo đạc thực tế có diện tích 47,6m^2, tại thửa đất số 43, tờ bản đồ số 10, tọa lạc Khóm A, Phường F, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 096973 (số vào sổ cấp GCN: CH01080) do Ủy ban nhân dân thành phố S cấp cho bà Nguyễn Thị B và ông Lê Văn H4 ngày 31/12/2013 là tài sản chung của ông P2 và bà B, chứ không phải tài sản chung của bà B và ông H4. Do đó, ½ phần đất có diện tích 23,8m^2, tại thửa đất số 43 không phải là di sản thừa kế của ông H4 để lại, nên yêu cầu chia thừa kế của bà Đ là không có căn cứ chấp nhận.

[6] Xét thấy, các đương sự đã thừa nhận phần đất diện tích theo đo đạc thực tế 47,6m^2, thuộc thửa số 43, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại Khóm A, Phường F, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng có nguồn gốc là tài sản do ông P2 và bà B tạo lập được khi ông P2 còn sống, đồng thời ông P2 và bà B chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất này, nên đây là tài sản chung của vợ chồng ông P2 và bà B theo pháp luật về hôn nhân gia đình; sau khi ông P2 chết thì ½ diện tích của thửa số 43 (tương đương 23,8m^2, được xác định là phần đất tranh chấp nêu trên) là di sản thừa kế của ông P2 và đủ điều kiện để Tòa án xem xét, giải quyết chia thừa kế theo pháp luật theo quy định tại Điều 609, Điều 612 Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 167, điểm đ khoản 1 Điều 179, Điều 188 Luật Đất đai năm 2013.

Đối với ½ diện tích còn lại của thửa số 43 là 23,8m^2, được xác định là ½ phần đất có tứ cận như mục [II] tiểu mục [1]) là tài sản riêng của bà B.

[7] Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự là những người thừa kế theo pháp luật thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông P2 được xác định là 06 người, gồm bà B, bà Võ Thị Hồng V, bà Võ Hồng Nguyệt M1, bà Võ Hồng Diễm P, bà Võ Tuyết H1, bà Võ Hồng D1 Châu đây là những người thừa kế theo pháp luật thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông P2 theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015 và những người này không từ chối nhận di sản hoặc thuộc trường hợp người không được quyền hưởng di sản theo quy định tại Điều 620, Điều 621 Bộ luật Dân sự năm 2015 và mỗi kỷ phần là 3,966m^2 (23,8m^2:6). Tuy nhiên, bà B có tổng cộng 27,766 m^2 (Trong đó 23,8 m^2 đất là tài sản riêng của bà trong khối tài sản chung với ông P2 và 01 kỷ phần thừa kế của ông P2 là 3,96m^2); những người còn lại là bà Võ Thị Hồng V, bà Võ Hồng Nguyệt M1, bà Võ Hồng Diễm P, bà Võ Tuyết H1, bà Võ Hồng Diễm C được hưởng mỗi kỷ phần là 3,966m^2 nhưng họ đồng ý kỷ phần thừa kế mà các bà được hưởng thì các bà đồng ý cho lại bà Võ Hồng Diễm C được hưởng toàn bộ.

[8] Tại Tờ tường trình đề ngày 07/02/2023 (bút lục 66) và đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 06/02/2023 (bút lục 67) thì ông Nguyễn Trung H là người đại diện theo ủy quyền của bà B đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà B đồng ý cho bà C được hưởng phần quyền sử dụng đất và căn nhà tại số B, Quốc lộ A (nay là đường V), Khóm A, Phường F, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng là 27,766m^2 (bao gồm 50% giá trị căn nhà và quyền sử dụng đất của bà trong khối tài sản chung với ông P2 và phần di sản thừa kế mà bà được hưởng theo pháp luật trong khối di sản thừa kế của ông P2 để lại).

[9] Theo nhận định tại mục [7] và mục [8] thì thấy rằng bà B đồng ý cho bà C được hưởng phần quyền sử dụng đất 27,766m^2 (bao gồm 50% giá trị căn nhà và quyền sử dụng đất của bà trong khối tài sản chung với ông P2 và phần di sản thừa kế mà bà được hưởng theo pháp luật trong khối di sản thừa kế của ông P2 để lại); các bà Võ Thị Hồng V, bà Võ Hồng Nguyệt M1, bà Võ Hồng Diễm P, bà Võ Tuyết H1 cho rằng các kỷ phần thừa kế mà các bà được hưởng thì các bà đồng ý cho lại em các bà là bà Võ Hồng Diễm C được hưởng toàn bộ. Như vậy, bà C được hưởng toàn bộ diện tích đất 47,6m^2 và không phải trả giá trị theo kỷ phần cho ai cả.

[10] Nay nguyên đơn bà Võ Hồng Diễm C yêu cầu Tòa án giải quyết Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 096973, số vào sổ cấp GCN: CH01080, ngày cấp: 31/12/2013 do Ủy ban nhân dân thành phố S cấp cho bà Nguyễn Thị B và ông Lê Văn H4 thì thấy rằng, theo nhận định tại mục [6] thì phần đất diện tích 47,6m^2, thuộc thửa số 43, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại Khóm A, Phường F, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng có nguồn gốc là tài sản do ông P2 và bà B tạo lập được khi ông P2 còn sống, nên đây là tài sản chung của vợ chồng ông P2 và bà B theo pháp luật về hôn nhân gia đình; sau

khi ông P2 chết thì ½ diện tích của thửa số 43 (tương đương diện tích 23,8m^2, được xác định là phần đất tranh chấp nêu trên) là di sản thừa kế của ông P2, khi bà B và ông H4 làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì không có các con của ông P2 ký tên và đồng ý, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 096973, số vào sổ cấp GCN: CH01080 do Ủy ban nhân dân thành phố S cấp cho bà Nguyễn Thị B và ông Lê Văn H4 ngày 31/12/2013 là không đúng đối tượng. Do đó, để đảm bảo quyền lợi cho các đương sự trong vụ án, Hội đồng xét xử quyết định hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 096973, số vào sổ cấp GCN: CH01080 do Ủy ban nhân dân thành phố S cấp cho bà Nguyễn Thị B và ông Lê Văn H4 ngày 31/12/2013.

[11] Từ đó, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của của bà C về việc chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản do ông P2 chết để lại là phần đất diện tích 23,8m^2 và công nhận phần đất diện tích 23,8m^2 do bà B cho, tổng hai phần đất có diện tích 47,6m^2; loại đất ở đô thị, thuộc thửa số 43, tờ bản đồ số 10, tọa lạc Khóm A, Phường F, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng và Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 096973, số vào sổ cấp GCN: CH01080, ngày cấp: 31/12/2013 do Ủy ban nhân dân thành phố S cấp cho bà Nguyễn Thị B và ông Lê Văn H4 ngày 31/12/2013.

[12] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[13] Về chi phí thẩm định, định giá tài sản, tổng cộng là 5.000.000 đồng: Ông Huỳnh Hồng T đại diện theo ủy quyền của bà Võ Hồng Diễm C đồng ý nộp toàn bộ theo quy định tại khoản 2 Điều 157, khoản 2 Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và do bà C đã nộp xong.

[14] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15, điểm b khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Đ được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm do là người cao tuổi (trên 60 tuổi) và có đơn xin miễn án phí; bà Võ Hồng Diễm C phải chịu toàn bộ án phí tương ứng với giá trị kỷ phần thừa kế mà mỗi người được chia, cụ thể [(450.000.000 đồng:2) = 225.000.000 đồng x 5% = 11.250.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 147, khoản 2 Điều 157, khoản 2 Điều 165, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

Áp dụng Điều 609, Điều 612, Điều 613, khoản 1 Điều 623, Điều 649, Điều 650, điểm a khoản 1 Điều 651 và điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 167, điểm đ khoản 1 Điều 179, Điều 188 Luật Đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15, điểm b khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Quyết định số 36/2020/QĐ-UBND ngày 01/01/2021 (thay thế Quyết định số 34/2015/QĐ-UBND ngày 19/10/2015) của UBND tỉnh S.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Hồng Diễm C về việc yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản thừa kế của ông Võ Hồng P2 chết để lại là phần đất diện tích 23,8m^2 và công nhận phần đất do bà Nguyễn Thị B cho bà Võ Hồng D1 Châu phần đất diện tích 23,8m^2, tổng hai phần đất có diện tích 47,6m^2, loại đất ở tại đô thị, thuộc thửa số 43, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại Khóm A, Phường F, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 096973 (số vào sổ số CH01080) ngày 31/12/2013 do Ủy ban nhân dân thành phố S cấp cho ông Lê Văn H4 và bà Nguyễn Thị B đứng tên.

Công nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 47,6m^2 thuộc thửa đất số 43, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại Khóm A, Phường F, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng là của bà Võ Hồng Diễm C, có số đo và tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp rạch Trà Men, số đo 3,95m;

- Hướng Tây giáp vỉa hè đường V, số đo 3,96m;

- Hướng Nam giáp thửa đất 44, số đo 6,31m + 5,72m;

- Hướng Bắc giáp thửa đất số 42, số đo 6,17m + 5,88m.

(Có sơ đồ kèm theo bản án)

2. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 096973 (số vào sổ CH01080) do Ủy ban nhân dân thành phố S cấp cho ông Lê Văn H4 và bà Nguyễn Thị B ngày 31/12/2013, đối với thửa đất có diện tích 47,6m^2, thuộc thửa đất số 43, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại Khóm A, Phường F, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

3. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Lê Thị Thanh Đ về việc yêu cầu chia ½ di sản thừa kế theo pháp luật của cha bà là ông Lê Văn H4 cùng đứng tên với bà B cho các anh em bà tại thửa đất số 43, tờ bản đồ số 10, diện tích: 47,6m^2, tọa lạc Khóm A, Phường F, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 096973, số vào sổ cấp GCN: CH01080, ngày cấp: 31/12/2013 do Ủy ban nhân dân thành phố S cấp cho bà Nguyễn Thị B và ông Lê Văn H4.

4. Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: Tổng cộng là 5.000.000 đồng, bà Võ Hồng Diễm C đồng ý nộp toàn bộ. Phần tiền này bà C đã nộp xong

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

5.1. Bà Võ Hồng Diễm C phải chịu toàn bộ 11.250.000 đồng.

5.2. Bà Lê Thị Thanh Đ được miễn án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo nêu trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Cục THADS tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu HSVA, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hồ Văn Phụng